

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số:

Hà Nội, ngày tháng năm

DỰ THẢO

LUẬT CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật Công nghiệp trọng điểm.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Luật này quy định về phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm, quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Hoạt động phát triển công nghiệp trọng điểm phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và Động viên công nghiệp. Trường hợp Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và Động viên công nghiệp chưa có chính sách ưu đãi, hỗ trợ tương tự hoặc trong trường hợp Luật này có mức ưu đãi, hỗ trợ cao hơn thì được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Luật này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tham gia hoặc có liên quan đến phát triển công nghiệp trọng điểm tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công nghiệp trọng điểm* là các ngành, lĩnh vực sản xuất, chế tạo có vai trò then chốt đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cao năng lực tự chủ, tự cường công nghiệp, năng lực tham gia chuỗi giá trị trong nước và toàn cầu, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, an ninh kinh tế, an ninh năng lượng, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; bao gồm các ngành: vật liệu, cơ khí chế tạo, công nghiệp sinh học, dệt may, da giày, công nghiệp hỗ trợ.

2. *Sản phẩm công nghiệp trọng điểm* là sản phẩm ưu tiên phát triển trong các ngành vật liệu, cơ khí chế tạo, công nghiệp sinh học, dệt may, da giày, công nghiệp hỗ trợ; thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm do cơ quan có thẩm quyền ban hành phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

3. *Dịch vụ công nghiệp trọng điểm* là dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ các ngành, lĩnh vực công nghiệp trọng điểm, dự án trọng điểm, thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm do cơ quan có thẩm quyền ban hành phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.

4. *Công nghiệp hỗ trợ* là các ngành công nghiệp sản xuất, gia công nguyên liệu, phụ liệu, vật liệu, linh kiện và phụ tùng để cung cấp cho sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.

5. *Công nghiệp sinh học* là ngành, lĩnh vực sản xuất hàng hóa chất lượng cao trên cơ sở công nghệ khai thác các hoạt động sống của vi sinh vật, tế bào thực vật và động vật.

6. *Dự án trọng điểm* là các công trình, dự án quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn đến kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của quốc gia hoặc địa phương, bao gồm công trình, dự án trong các lĩnh vực sau:

- a) Điện gió, điện mặt trời, nhiệt điện, điện hạt nhân module nhỏ;
- b) Sản xuất hydrogen xanh, amoniac xanh và các dẫn xuất hydrogen, amoniac từ điện gió, điện mặt trời; lưu trữ carbon;
- c) Đường sắt tốc độ cao, đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị;
- d) Lưu trữ năng lượng;
- đ) Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;
- e) Khai thác, chế biến dầu khí;
- g) Khai thác, chế biến khoáng sản chiến lược;
- h) Điện tử, bán dẫn, công nghệ cao.

7. *Giao nhiệm vụ* là hình thức cơ quan có thẩm quyền trực tiếp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án trọng điểm cho doanh nghiệp 100% vốn nhà nước bằng quyết định hành chính.

8. *Chế biến sâu khoáng sản* là quá trình xử lý khoáng sản thô để tạo ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn, bao gồm các công đoạn tuyển chọn, làm giàu, tinh chế và sản xuất vật liệu mới từ khoáng sản.

9. *Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm* là loại hình khu chức năng tập trung các

hoạt động sản xuất, nghiên cứu và phát triển, đào tạo nguồn nhân lực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm; cung cấp hạ tầng, cung ứng dịch vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và các hoạt động khác liên quan đến phát triển công nghiệp trọng điểm trong khu nhằm phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm theo mô hình cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị.

Điều 4. Áp dụng pháp luật

1. Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật Công nghiệp trọng điểm và luật khác đã được ban hành trước ngày Luật Công nghiệp trọng điểm có hiệu lực thi hành về cùng một vấn đề cụ thể liên quan thì thực hiện theo quy định của Luật Công nghiệp trọng điểm, trong đó bao gồm:

- a) Các quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ tại Chương II của Luật này;
- b) Quy định về Tổ hợp công nghiệp trọng điểm tại Chương III của Luật này;
- c) Quy định về phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Chương IV của Luật này.

2. Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật Công nghiệp trọng điểm có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm khác với quy định của Luật này thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật Công nghiệp trọng điểm và nội dung thực hiện theo quy định của luật khác đó.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về phát triển công nghiệp trọng điểm

1. Ưu tiên nguồn lực, áp dụng cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm để phát triển công nghiệp trọng điểm.

2. Khuyến khích, hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, đổi mới, chuyển giao, ứng dụng và làm chủ công nghệ; phát triển cơ sở nghiên cứu, thử nghiệm, đo lường, kiểm định, đánh giá chất lượng phục vụ công nghiệp trọng điểm.

3. Có chính sách phát triển nguồn nhân lực, thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư, nhân lực kỹ thuật lành nghề và nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghiệp trọng điểm.

4. Phát triển thị trường cho sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm; ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm trong chương trình, dự án, nhiệm vụ sử dụng vốn nhà nước phù hợp với yêu cầu về chất lượng, hiệu quả, quốc phòng, an ninh và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

6. Khuyến khích ứng dụng dữ liệu công nghiệp, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, công nghệ số và công nghệ tiên tiến khác để nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh trong các ngành công nghiệp trọng điểm.

7. Phát triển công nghiệp trọng điểm gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

Điều 6. Quản lý nhà nước về công nghiệp trọng điểm

1. Xây dựng, ban hành, tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, đề án, dự án và chính sách phát triển công nghiệp trọng điểm.

2. Công tác báo cáo về công nghiệp trọng điểm.

3. Quản lý nhà nước về tổ hợp công nghiệp trọng điểm.

4. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về công nghiệp trọng điểm.

5. Quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp trọng điểm.

6. Cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận về công nghiệp trọng điểm.

7. Hợp tác quốc tế về công nghiệp trọng điểm.

8. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về công nghiệp trọng điểm.

Điều 7. Áp dụng ưu đãi, hỗ trợ cho các ngành công nghiệp trọng điểm

1. Sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm là ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.

Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp trọng điểm được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Luật này, pháp luật về đầu tư, tín dụng, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân, đất đai, chế độ kế toán và pháp luật khác có liên quan.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật khác quy định mức ưu đãi, hỗ trợ khác nhau thì được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ cao hơn.

3. Việc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, không trùng lặp, không dàn trải, phù hợp khả năng cân đối nguồn lực của Nhà nước và cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm là căn cứ áp dụng các chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Luật này.

5. Chính phủ quy định việc ban hành, điều chỉnh Danh mục sản phẩm, dịch

vụ công nghiệp trọng điểm quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 8. Chương trình phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm

1. Thủ tướng Chính phủ ban hành các chương trình phát triển một số ngành công nghiệp trọng điểm cụ thể theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, an ninh năng lượng, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường trong từng thời kỳ.

2. Kinh phí thực hiện các chương trình phát triển một số ngành công nghiệp trọng điểm từ nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp trọng điểm được quy định tại Điều 9 của Luật này.

Điều 9. Nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp trọng điểm

1. Nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp trọng điểm:

a) Nguồn ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Nguồn ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên cho các hoạt động kinh tế;

c) Nguồn tài chính từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia; Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia; quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp; Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia, quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương; Quỹ hỗ trợ đầu tư; Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp theo quy định tại Luật này và các quỹ khác có liên quan phát triển công nghiệp theo quy định của pháp luật;

d) Nguồn vốn vay, đóng góp, tài trợ, viện trợ, đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

đ) Nguồn tài chính hợp pháp khác.

2. Chính phủ quy định nội dung chi, lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn tài chính quy định tại các điểm b, d, đ khoản 1 Điều này.

Chương II

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ CHO CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM

Mục 1

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG, THU HÚT ĐẦU TƯ CHO CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM

Điều 10. Lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, vốn từ nguồn thu hợp pháp theo quy định của pháp luật của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm theo quy định tại Điều này để thực hiện các công việc sau:

a) Thực hiện dự án đầu tư, dự toán mua sắm của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân khác;

b) Cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

2. Chỉ áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế trong trường hợp không có nhà cung cấp trong nước đáp ứng đủ điều kiện tham gia gói thầu.

3. Cơ quan có thẩm quyền tại khoản 1 Điều này áp dụng hình thức đấu thầu trong nước để lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm; hoặc được áp dụng hình thức đặt hàng, chỉ định thầu trong nước đối với các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm được đặt hàng hoặc chỉ định thầu trong nước khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm lần đầu tiên được cung cấp tại thị trường Việt Nam;

b) Sản phẩm công nghiệp trọng điểm hình thành từ kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm cung ứng trong trường hợp để bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, an ninh năng lượng, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường;

d) Các trường hợp khác được đặt hàng, chỉ định thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

5. Đối với gói thầu của dự án đầu tư tại điểm a khoản 1 Điều này tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ hoặc nhà thầu phụ đặc biệt là nhà thầu nước ngoài đối với phần công việc đặc thù mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ.

6. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định của pháp

luật về đấu thầu.

7. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Điều 11. Cơ chế nội địa hóa trong các dự án trọng điểm

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định lựa chọn một số dự án trọng điểm để áp dụng các cơ chế sau đây nhằm nội địa hóa sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm:

- a) Phân chia gói thầu;
- b) Trực tiếp chỉ định nhà đầu tư trong nước, nhà thầu trong nước tham gia dự án;
- c) Ban hành danh mục sản phẩm, dịch vụ tiến hành nội địa hóa của dự án;
- d) Bảo đảm về nguồn vốn thực hiện dự án.

2. Nhà đầu tư, nhà thầu trong nước tham gia cơ chế theo quy định tại khoản 1 Điều này tối thiểu phải tự chủ sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm sau đây:

- a) Sản xuất hoặc bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các sản phẩm, thiết bị chính của dự án;
- b) Các dịch vụ quan trọng, bao gồm: Tổng thầu EPC, tổng thầu thiết kế; tư vấn lập dự án đầu tư, tổ chức quản lý dự án; tích hợp hệ thống, vận hành công trình, dự án; xây lắp;
- c) Sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cung cấp cho dự án.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 12. Ưu đãi, hỗ trợ đối với cơ chế bảo đảm sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm

1. Nhà cung cấp nhận đặt hàng, chỉ định thầu quy định tại Điều 10 của Luật này được hưởng các cơ chế sau đây:

- a) Được hỗ trợ 100% chi phí mua bảo hiểm cho sản phẩm từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- b) Được ưu đãi về giá (không quá 10% so với giá thành sản phẩm nhập khẩu tương tự) khi tính giá đặt hàng đối với sản phẩm nhận đặt hàng;
- c) Được miễn các yêu cầu, điều kiện về kinh nghiệm khi tham gia đặt hàng;
- d) Được loại trừ trách nhiệm hành chính, miễn trách nhiệm dân sự, loại trừ

trách nhiệm hình sự nếu đã tuân thủ đầy đủ quy trình, quy định tại Luật này và không có mục đích vụ lợi, không có hành vi gian lận hay cố ý vi phạm pháp luật trong trường hợp gây thiệt hại cho Nhà nước.

2. Nhà đầu tư, nhà thầu thực hiện dự án theo quy định tại Điều 11 của Luật này được hưởng các cơ chế ưu đãi, hỗ trợ như sau:

a) Được hưởng mức ưu đãi cao nhất về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp, thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi tiền thuê đất và thuê mặt nước theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về ưu đãi đầu tư đặc biệt;

b) Được Nhà nước hỗ trợ lãi suất khi vay vốn trong nước để thực hiện dự án;

c) Được hỗ trợ kinh phí từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia để mua công nghệ phục vụ sản xuất, chế tạo trong nước các thiết bị chính của dự án;

d) Được Nhà nước hỗ trợ một số loại chi phí đầu vào, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm đầu ra trong một thời gian nhất định;

đ) Được loại trừ trách nhiệm hành chính, miễn trách nhiệm dân sự, loại trừ trách nhiệm hình sự nếu đã tuân thủ đầy đủ quy trình, quy định tại Luật này và không có mục đích vụ lợi, không có hành vi gian lận hay cố ý vi phạm pháp luật trong trường hợp gây thiệt hại cho Nhà nước;

e) Đối với các dự án điện lực: được ưu tiên mua điện với sản lượng tối thiểu 80% và với giá ưu đãi theo thỏa thuận cụ thể với bên mua điện theo quy định tại Luật Điện lực; được nhà nước hỗ trợ hạ tầng kết nối với lưới điện quốc gia; khuyến khích các dự án trong quy hoạch phát triển điện lực quốc gia mở rộng quy mô, trong đó một phần cấp cho hệ thống điện quốc gia theo quy hoạch, một phần để sử dụng vào các hoạt động kinh tế khác.

Đối với các dự án đường sắt: được ưu tiên đầu tư theo mô hình TOD kết hợp với phương thức BT; được nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt kết nối từ dự án đến đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương.

Điều 13. Thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm công nghiệp trọng điểm

1. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc tế để sản phẩm công nghiệp trọng điểm đủ điều kiện xuất khẩu sang thị trường phát triển.

2. Nhà nước ưu tiên để các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp trọng điểm tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối thị trường ngoài nước.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 14. Thu hút đầu tư chiến lược nước ngoài

1. Nhà đầu tư chiến lược nước ngoài đầu tư dự án trọng điểm khi tiến hành thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc phê duyệt dự án đầu tư có văn bản cam kết đáp ứng các nội dung sau đây thì được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều này:

- a) Cam kết hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng của mình;
- b) Cam kết gia tăng tỷ lệ nội địa hóa;
- c) Cam kết về tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam;
- d) Cam kết chuyển giao, phát triển các bí quyết, giải pháp kỹ thuật trong sản xuất, chế tạo sản phẩm chính của dự án;
- đ) Cam kết đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại Việt Nam;
- e) Cam kết tăng quy mô sản xuất tại Việt Nam của dự án; cam kết về xuất khẩu.

2. Nhà đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư sau:

- a) Được xem xét nới lỏng giới hạn tỷ lệ vốn góp thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ các lĩnh vực có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia hoặc trường hợp cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác;
- b) Được hưởng mức ưu đãi cao nhất về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp, thời gian miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi tiền thuê đất và thuê mặt nước theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về ưu đãi đầu tư đặc biệt;
- c) Được trực tiếp hỗ trợ chi phí từ Quỹ Hỗ trợ đầu tư;
- d) Được Nhà nước hỗ trợ một số loại chi phí đầu vào, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm đầu ra trong một thời gian nhất định.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 15. Ưu đãi, hỗ trợ cho các dự án chế biến, sản xuất sản phẩm từ khoáng sản chiến lược

1. Dự án chế biến các loại khoáng sản chiến lược để sản xuất sản phẩm chế biến sâu khoáng sản hoặc sản phẩm vật liệu thuộc Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm thì được xem xét hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây:

a) Được xem xét giảm thuế suất thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật cho phần sản lượng tài nguyên sử dụng vào chế biến sâu đó;

b) Được ưu tiên giao mỏ khoáng sản không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

c) Được hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư các mỏ khoáng sản chiến lược ở nước ngoài.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 16. Ưu đãi, hỗ trợ cho các dự án chuyển dịch năng lượng

Nhà đầu tư dự án trọng điểm quy định tại điểm b, c khoản 6 Điều 3 của Luật này được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau:

1. Được ưu tiên giao nhiệm vụ hoặc chỉ định thầu để làm nhà đầu tư các dự án điện gió (kèm theo giao khảo sát trước khi lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án điện gió ngoài khơi), điện mặt trời kèm theo phục vụ dự án.

2. Được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

3. Được quyền ưu tiên đấu nối, bán điện vào hệ thống điện quốc gia đối với các dự án điện gió, điện mặt trời quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 2

HỖ TRỢ TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG CHO CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM

Điều 17. Hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp công nghiệp trọng điểm

1. Doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp trọng điểm được Nhà nước hỗ trợ tín dụng thông qua các hình thức sau đây:

a) Ưu tiên một phần nguồn tín dụng từ nguồn Ngân sách nhà nước và các quỹ về phát triển công nghiệp cho các doanh nghiệp công nghiệp trọng điểm vay để đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ và tín dụng xuất khẩu, tín dụng theo chuỗi cung ứng;

b) Hỗ trợ vay vốn tín dụng đầu tư theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư của Nhà nước;

c) Cho vay với lãi suất đặc biệt ưu đãi thông qua gói tín dụng đặc thù áp dụng trong thời gian nhất định;

d) Hỗ trợ tín dụng cho việc mua bán, sáp nhập các doanh nghiệp, viện nghiên cứu trong lĩnh vực công nghiệp ở nước ngoài để làm chủ công nghệ;

đ) Bảo lãnh tín dụng, khuyến khích các doanh nghiệp lớn bảo lãnh các khoản vay của các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng;

e) Gia hạn, ân hạn khoản vay.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 18. Hỗ trợ tài chính thông qua các định chế quỹ tài chính

1. Tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động trong các ngành công nghiệp trọng điểm được hưởng các hỗ trợ tín dụng sau:

a) Được tài trợ một phần (không quá 70%) vốn đầu tư hoặc mua lại cổ phần, phần vốn góp từ Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương cho dự án khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp trọng điểm cụ thể;

b) Được hỗ trợ một phần chi phí đầu tư dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp trọng điểm từ Quỹ hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Được ưu tiên đặt hàng thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ sản xuất sản phẩm công nghiệp trọng điểm từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia;

d) Được tài trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí nghiên cứu và phát triển, mua công nghệ, chuyển giao công nghệ cho các đề án nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, cải tiến công nghệ cũ từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

đ) Được hỗ trợ lãi suất vay đặc biệt ưu đãi để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, cải tiến công nghệ cũ; mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, viện nghiên cứu công nghệ trong và ngoài nước để phát triển các công nghệ quan trọng từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

e) Được bảo lãnh/mua bảo hiểm cho sản phẩm công nghiệp trọng điểm lần đầu cung cấp ra thị trường từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 19. Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp

1. Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp được thành lập để hỗ trợ cho các hoạt động đầu tư, sản xuất sản phẩm công nghiệp trọng điểm, sản phẩm công nghệ chiến lược trong các ngành công nghiệp trọng điểm. Quỹ được cấp vốn điều lệ từ

ngân sách nhà nước và được quyền nhận tài trợ, viện trợ và nguồn vốn hợp pháp khác mà không làm tăng vốn điều lệ của Quỹ.

2. Quỹ được hình thành từ các nguồn tài chính sau đây:

- a) Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;
- b) Đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước;
- c) Nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

3. Hoạt động của Quỹ được quy định như sau:

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, các nguồn tài trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật Việt Nam để tạo nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp trọng điểm;

b) Góp vốn thành lập, mua cổ phần, mua phần vốn góp, hỗ trợ mua bán sáp nhập tại doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp trọng điểm ở trong và ngoài nước;

c) Góp vốn cùng đầu tư với các quỹ khác ở trong nước, nước ngoài để thành lập, mua cổ phần, mua phần vốn góp tại các doanh nghiệp trong cụm liên kết ngành công nghiệp trọng điểm (đầu tư theo chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị);

d) Tài trợ, đồng tài trợ cho các Chương trình, Đề án, nhiệm vụ nhằm hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp trọng điểm;

e) Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn, cấp bù lãi suất cho các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp trọng điểm, có tiềm năng tăng trưởng cao, tạo tác động tích cực đến kinh tế, xã hội;

g) Bảo lãnh/ mua bảo hiểm cho sản phẩm công nghiệp trọng điểm lần đầu cung cấp ra thị trường.

4. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc thị trường, minh bạch, chấp nhận rủi ro có kiểm soát. Quỹ không áp dụng yêu cầu bảo toàn vốn theo từng năm tài chính, theo từng dự án, nhiệm vụ cụ thể.

5. Tổ chức, cá nhân quản lý, điều hành Quỹ được miễn trách nhiệm dân sự, loại trừ trách nhiệm hành chính liên quan đến tổn thất đầu tư, nếu tổn thất phát sinh do rủi ro khách quan và đã tuân thủ đầy đủ nguyên tắc đầu tư, quy định nội bộ của quỹ và nghĩa vụ minh bạch, trung thực trong quá trình ra quyết định đầu tư.

6. Chính phủ quy định quy định việc thành lập, cơ cấu tổ chức, hoạt động,

quản lý, cơ cấu tỷ lệ phân vốn từ ngân sách nhà nước, sử dụng vốn, cơ chế giám sát đối với Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp trọng điểm quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 3

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CHO CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM

Điều 20. Hỗ trợ kinh phí thuê chuyên gia, nhà khoa học

1. Doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa 70% kinh phí thuê chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế phục vụ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất các sản phẩm công nghiệp trọng điểm.

2. Chính phủ quy định chi tiết về tiêu chí chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực công nghiệp trọng điểm.

Điều 21. Kỹ sư trưởng

1. Kỹ sư trưởng là người có uy tín, kinh nghiệm, năng lực vượt trội để chủ trì chỉ đạo thực hiện các dự án sau đây:

a) Dự án trọng điểm theo quy định tại Luật này;

b) Chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án (sau đây gọi chung là dự án) nghiên cứu và phát triển, chế tạo sản phẩm công nghiệp trọng điểm có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

2. Trong trường hợp Kỹ sư trưởng tại khoản 1 Điều này là người nước ngoài, quyết định giao nhiệm vụ phải có nội dung đào tạo được Kỹ sư trưởng là người Việt Nam sau khi kết thúc dự án.

3. Kỹ sư trưởng là người chịu trách nhiệm chỉ đạo cao nhất về các vấn đề thiết kế, kỹ thuật, công nghệ và tích hợp quản lý vận hành của dự án về các nội dung sau đây:

a) Quyết định các phương án kỹ thuật, công nghệ, thiết kế quan trọng trong khuôn khổ dự án; phê duyệt hoặc kiến nghị chủ đầu tư phê duyệt các hồ sơ thiết kế, tài liệu kỹ thuật quan trọng của dự án;

b) Xây dựng hoặc lựa chọn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho dự án.

c) Xây dựng kế hoạch tổng thể triển khai dự án về mặt kỹ thuật – công nghệ, bao gồm lộ trình nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thi công, thử nghiệm, vận hành, đảm bảo tiến độ tổng thể phù hợp với kế hoạch chung của dự án;

d) Tổ chức triển khai các hoạt động nghiên cứu, thiết kế, sản xuất, xây dựng và các hoạt động khác theo đúng kế hoạch; theo dõi, giám sát toàn bộ chu trình thực hiện về khía cạnh kỹ thuật;

đ) Thiết lập hệ thống kiểm soát chất lượng kỹ thuật của dự án; giám sát việc tuân thủ các quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật trong thiết kế, thi công, chế tạo. Đảm bảo các sản phẩm, hạng mục công trình đạt các yêu cầu về tính năng, độ bền, an toàn vận hành trước khi nghiệm thu, bàn giao;

e) Phối hợp với các chuyên gia, đơn vị để giải quyết các vấn đề kỹ thuật liên ngành nảy sinh trong dự án, đảm bảo tính đồng bộ, tích hợp của toàn bộ hệ thống công nghệ trong công trình, dự án.

4. Trách nhiệm của Kỹ sư trưởng:

a) Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quyết định bổ nhiệm và theo quy định tại Luật này;

b) Chịu trách nhiệm trước cơ quan bổ nhiệm và trước pháp luật về những thiệt hại, hậu quả do lỗi chủ quan gây ra trong quá trình thực hiện dự án;

c) Khi xảy ra sự cố nghiêm trọng hoặc vấn đề kỹ thuật lớn có nguy cơ ảnh hưởng tới mục tiêu, an toàn của dự án, Kỹ sư trưởng chịu trách nhiệm kịp thời báo cáo ngay với chủ đầu tư và cơ quan chủ quản, đồng thời đề xuất biện pháp ứng phó, khắc phục.

d) Được loại trừ trách nhiệm hành chính, miễn trách nhiệm dân sự, loại trừ trách nhiệm hình sự nếu đã tuân thủ đầy đủ quy trình, quy định tại Luật này và không có mục đích vụ lợi, không có hành vi gian lận hay cố ý vi phạm pháp luật trong trường hợp gây thiệt hại cho Nhà nước.

5. Chính phủ quy định chi tiết về chế độ đãi ngộ cho Kỹ sư trưởng.

Mục 4

HỖ TRỢ VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CHO CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM

Điều 22. Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

1. Doanh nghiệp công nghiệp trọng điểm được nhận hỗ trợ kinh phí nghiên cứu và phát triển từ các chương trình nhà nước nếu tham gia thực hiện đề tài, dự án trong lĩnh vực ưu tiên.

2. Khuyến khích doanh nghiệp hình thành trung tâm nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Doanh nghiệp thành lập trung tâm

nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo được hưởng ưu đãi thuế và hỗ trợ tín dụng theo quy định của pháp luật.

3. Nhà nước hỗ trợ xây dựng cơ sở thử nghiệm, đo lường, kiểm định chất lượng phục vụ các ngành công nghiệp trọng điểm; nâng cấp các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường để đáp ứng nhu cầu kiểm định máy móc, vật liệu, sản phẩm công nghiệp trong nước.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 23. Thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm công nghiệp trọng điểm

Tổ chức, doanh nghiệp được triển khai thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm công nghiệp trọng điểm theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Điều 24. Chuyển giao và làm chủ công nghệ

1. Dự án trong ngành công nghiệp trọng điểm có hàm lượng công nghệ cao, công nghệ mới nếu có nhu cầu mua hoặc chuyển giao công nghệ từ nước ngoài sẽ được hỗ trợ thủ tục và kinh phí thông qua các chương trình chuyển giao công nghệ của Nhà nước.

2. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện dự án sản xuất trong ngành công nghiệp trọng điểm tại Việt Nam được khuyến khích và tạo điều kiện thành lập trung tâm đào tạo kỹ sư và lao động tay nghề cao, nghiên cứu và phát triển tại chỗ, chuyển giao kiến thức vận hành cho đối tác Việt Nam. Các chi phí cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phát triển này được tính là chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Các sáng chế, giải pháp hữu ích trong lĩnh vực công nghiệp trọng điểm được rút ngắn thời gian thẩm định và áp dụng mức phí bảo hộ thấp hơn so với mức thông thường.

4. Doanh nghiệp được hỗ trợ tối đa 70% kinh phí từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia để mua bản quyền thiết kế, bản quyền công nghệ, phần mềm chuyên dụng phục vụ nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghiệp trọng điểm. Mức hỗ trợ cụ thể theo quy chế tài chính của Quỹ.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 5

HỖ TRỢ VỀ ĐẤT ĐAI, HẠ TẦNG CHO CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM

Điều 25. Hỗ trợ về hạ tầng

1. Dự án đầu tư thuộc ngành công nghiệp trọng điểm được ưu tiên bố trí đất tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có sẵn hạ tầng phù hợp. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm dành quỹ đất trong quy hoạch công nghiệp cho các ngành công nghiệp trọng điểm; trường hợp cần thiết, được phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai để mở rộng khu, cụm công nghiệp.

2. Nhà nước đầu tư phát triển hạ tầng thiết yếu đến hàng rào khu công nghiệp trọng điểm, bao gồm đường giao thông, điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, viễn thông. Các công trình hạ tầng ngoài hàng rào được ngân sách nhà nước Trung ương hoặc địa phương hỗ trợ đầu tư. Bên trong khu công nghiệp, doanh nghiệp đầu tư hạ tầng được hưởng ưu đãi theo pháp luật về đầu tư và đất đai.

3. Khuyến khích mô hình “khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ” cho ngành công nghiệp trọng điểm, đảm bảo người lao động có điều kiện ăn ở, sinh hoạt thuận tiện gần nơi làm việc, thu hút nhân lực chất lượng cao. Các dự án nhà ở xã hội cho công nhân trong khu công nghiệp trọng điểm được hưởng ưu đãi theo quy định pháp luật về nhà ở.

Điều 26. Hỗ trợ tiếp cận đất đai cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các ngành công nghiệp trọng điểm được hỗ trợ giảm tối thiểu 30% tiền thuê lại đất trong vòng 05 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất với chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ. Khoản hỗ trợ tiền thuê đất này được Nhà nước hoàn trả cho chủ đầu tư theo quy định của Chính phủ.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức giảm tiền thuê lại đất quy định tại Điều này.

Chương III TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM

Mục 1

THÀNH LẬP, ĐIỀU CHỈNH TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM

Điều 27. Tổ hợp công nghiệp trọng điểm

1. Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm do doanh nghiệp đầu chuỗi đóng vai trò dẫn dắt, điều phối, được hình thành để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm theo mô hình cụm liên kết ngành chuyên sâu các ngành công nghiệp trọng điểm, thiết lập chuỗi giá trị và hệ sinh thái công nghiệp hoàn chỉnh bao gồm

nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo, thử nghiệm và ứng dụng công nghệ, phát triển chuỗi cung ứng và công nghiệp hỗ trợ, đào tạo nguồn nhân lực và các hoạt động logistics, xúc tiến thương mại.

2. Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm bao gồm các thành phần sau đây:

a) Doanh nghiệp đầu chuỗi là doanh nghiệp có năng lực điều phối, dẫn dắt về chiến lược phát triển, định hướng sản xuất và thị trường, công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, đặt hàng, tổ chức chuỗi cung ứng hoặc phát triển nhà cung cấp trong Tổ hợp;

b) Doanh nghiệp hỗ trợ là doanh nghiệp sản xuất vật liệu, linh kiện, phụ tùng, thiết bị, bán thành phẩm hoặc cung ứng dịch vụ kỹ thuật phục vụ doanh nghiệp đầu chuỗi và các doanh nghiệp khác trong Tổ hợp;

c) Hạ tầng dùng chung bao gồm hạ tầng kỹ thuật, logistics, năng lượng, nước, xử lý môi trường, dữ liệu, R&D, thử nghiệm, kiểm định, chứng nhận, đào tạo, marketing và hạ tầng khác phục vụ định hướng phát triển của Tổ hợp;

d) Hội đồng điều phối Tổ hợp là tổ chức tư vấn, điều phối liên kết chuỗi giá trị và phát triển hệ sinh thái trong Tổ hợp;

đ) Trung tâm R&D là tổ chức nghiên cứu, phát triển, thiết kế, chế tạo thử nghiệm, đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp hoạt động của Tổ hợp;

e) Trung tâm thử nghiệm, kiểm định, chứng nhận là tổ chức cung cấp dịch vụ thử nghiệm, đo lường, kiểm định, giám định, đánh giá sự phù hợp, chứng nhận và tiêu chuẩn hóa.

Điều 28. Mục tiêu và nguyên tắc quản lý

1. Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm được thành lập nhằm:

a) Hình thành năng lực sản xuất, chế tạo trong nước đối với sản phẩm, công nghệ, thiết bị, linh kiện, vật liệu và dịch vụ công nghiệp trọng điểm;

b) Phát triển doanh nghiệp đầu chuỗi và hệ thống nhà cung cấp trong nước;

c) Gắn sản xuất với R&D, đào tạo, thử nghiệm, kiểm định, chứng nhận và logistics;

d) Tăng tỷ lệ nội địa hóa, giá trị gia tăng trong nước, năng lực tham gia chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu;

đ) Thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, sử dụng hiệu quả năng lượng, tài nguyên và giảm phát thải;

e) Góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, an ninh kinh tế, an ninh năng lượng và an ninh công nghệ.

2. Việc quản lý Tổ hợp phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

- a) Phù hợp chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, quy hoạch có liên quan;
- b) Tập trung, có trọng tâm, trọng điểm; không dàn trải;
- c) Kết hợp quản lý nhà nước với tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp và tổ chức tham gia;
- d) Công khai, minh bạch, cạnh tranh lành mạnh, không phân biệt đối xử trái pháp luật;
- đ) Một cửa, tại chỗ, liên thông số trong giải quyết thủ tục;
- e) Gắn ưu đãi, hỗ trợ với cam kết đầu tư, kết quả thực hiện và nghĩa vụ báo cáo;
- g) Bảo vệ môi trường, an toàn lao động, an toàn hóa chất, phòng cháy, chữa cháy và ứng phó sự cố;
- h) Bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ và quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 29. Tiêu chí thành lập Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm

1. Tổ hợp được xem xét thành lập khi đáp ứng các tiêu chí sau đây:

- a) Có ít nhất một doanh nghiệp đầu chuỗi hoặc một nhóm doanh nghiệp đầu chuỗi cam kết hiện diện, đặt hàng, phát triển nhà cung cấp, duy trì năng lực dẫn dắt và tham gia chủ trì hình thành hệ sinh thái của Tổ hợp;
- b) Có định hướng hoạt động cụ thể, trong đó có định hướng sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm thuộc danh mục do cơ quan có thẩm quyền ban hành;
- c) Có phương án hình thành mạng lưới doanh nghiệp hỗ trợ, dịch vụ kỹ thuật, logistics, R&D, đào tạo, thử nghiệm, kiểm định, chứng nhận;
- d) Có phương án về diện tích quỹ đất, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng dùng chung hoặc có phương án đầu tư đồng bộ các hạ tầng đó;
- đ) Có đề án môi trường, an toàn, lao động và quản trị rủi ro;
- e) Có cơ chế đo lường hiệu quả đầu tư, hiệu quả chuỗi cung ứng và tác động lan tỏa.

2. Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm được xem xét phê duyệt điều chỉnh khi có sự thay đổi về quy mô diện tích hoặc định hướng hoạt động của Tổ hợp.

3. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Điều 30. Quy hoạch, ranh giới, quy mô và phân khu chức năng

1. Tổ hợp được bố trí trong khu vực có ranh giới xác định, bảo đảm tính kết nối hạ tầng, logistics và khả năng tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị.

2. Tổ hợp có thể gồm một hoặc nhiều phân khu chức năng, bao gồm:

- a) Phân khu doanh nghiệp đầu chuỗi và sản xuất chế tạo;
- b) Phân khu doanh nghiệp hỗ trợ và dịch vụ công nghiệp;
- c) Phân khu R&D, thiết kế, đổi mới sáng tạo, chế thử và sản xuất thử nghiệm;
- d) Phân khu thử nghiệm, kiểm định, chứng nhận, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng;
- đ) Phân khu logistics, kho bãi, phân phối, hải quan và dịch vụ chuỗi cung ứng;
- e) Phân khu năng lượng, nước, xử lý chất thải, tuần hoàn tài nguyên và hạ tầng môi trường;
- g) Phân khu đào tạo, thực hành, thực nghiệm, phát triển kỹ năng;
- h) Công trình dịch vụ, tiện ích công cộng và công trình xã hội phục vụ người lao động theo pháp luật có liên quan.

3. Việc xác định địa điểm, quy mô, ranh giới, cơ cấu sử dụng đất, chỉ tiêu hạ tầng và công trình xã hội của Tổ hợp phải phù hợp pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng, môi trường và pháp luật có liên quan.

4. Không bố trí Tổ hợp tại khu vực không đáp ứng yêu cầu an toàn, môi trường, quốc phòng, an ninh hoặc không khả thi về kết nối hạ tầng thiết yếu.

Điều 31. Dự án thành lập, điều chỉnh Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm

1. Dự án thành lập, điều chỉnh Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm là hồ sơ tổng hợp về pháp lý, kỹ thuật, tài chính, đất đai, hạ tầng, môi trường, tổ chức quản trị và phương án phát triển hệ sinh thái do doanh nghiệp đầu chuỗi lập để làm căn cứ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập, mở rộng, điều chỉnh Tổ hợp theo quy định của Chương này.

2. Việc thành lập, điều chỉnh Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm được thực hiện trên cơ sở Dự án thành lập, điều chỉnh Tổ hợp do doanh nghiệp đầu chuỗi chủ trì lập; trường hợp có từ hai doanh nghiệp đầu chuỗi trở lên thì các doanh nghiệp đó thỏa thuận cử một doanh nghiệp làm đầu mối đại diện lập và nộp hồ sơ.

2. Doanh nghiệp đầu chuỗi chủ trì lập Dự án thành lập, điều chỉnh Tổ hợp

có trách nhiệm:

a) Tổ chức xây dựng hồ sơ dự án; phối hợp với nhà đầu tư phát triển hạ tầng, doanh nghiệp hỗ trợ, tổ chức R&D, cơ sở đào tạo, tổ chức thử nghiệm, kiểm định, chứng nhận, logistics và các chủ thể chủ chốt khác trong quá trình chuẩn bị dự án;

b) Bảo đảm tính trung thực, chính xác, hợp pháp của thông tin, số liệu, tài liệu, cam kết trong hồ sơ;

c) Chịu trách nhiệm về tính khả thi của phương án phát triển chuỗi giá trị, hạ tầng dùng chung và phát triển nhà cung cấp trong nước được đề xuất trong dự án;

d) Gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Chương này.

3. Dự án thành lập, điều chỉnh Tổ hợp bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Sự cần thiết thành lập, điều chỉnh Tổ hợp; căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn và sự phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển có liên quan;

b) Mục tiêu, ngành, lĩnh vực, sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm của Tổ hợp;

c) Địa điểm, quy mô, ranh giới, phân khu chức năng, cơ cấu sử dụng đất, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư, nếu có;

d) Kế hoạch phát triển doanh nghiệp hỗ trợ, phát triển nhà cung cấp và trách nhiệm của doanh nghiệp đầu chuỗi;

đ) Phương án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng môi trường và hạ tầng dùng chung;

e) Phương án R&D, đổi mới công nghệ, thử nghiệm, kiểm định, chứng nhận, đào tạo và phát triển nhân lực;

g) Phương án logistics, dữ liệu dùng chung, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, sử dụng năng lượng, tài nguyên, kiểm soát phát thải;

h) Phương án tổ chức quản lý, vận hành Tổ hợp; đề xuất mô hình Ban quản lý và cơ chế điều phối liên kết chuỗi;

i) Phương án tài chính, nguồn vốn đầu tư, lộ trình thực hiện, tiến độ khai thác và cơ chế huy động nguồn lực;

k) Đánh giá tác động kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, an ninh kinh tế, an ninh công nghệ; phân tích rủi ro và phương án ứng phó;

l) Đề xuất cơ chế ưu đãi, hỗ trợ và nghĩa vụ cam kết thực hiện.

4. Trình tự tiếp nhận và tổ chức thẩm định Dự án thành lập, điều chỉnh Tổ hợp được quy định như sau:

a) Đối với Tổ hợp có phạm vi nằm trong địa bàn một tỉnh, doanh nghiệp đầu chuỗi nộp hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến đặt Tổ hợp;

b) Đối với Tổ hợp có quy mô liên tỉnh, doanh nghiệp đầu chuỗi nộp hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến đặt phân khu trung tâm, trụ sở điều phối hoặc đầu mối quản lý của Tổ hợp; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh này có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan để tổ chức thẩm định, hoàn thiện hồ sơ;

c) Đối với Tổ hợp có vai trò đặc biệt quan trọng đến phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, quốc phòng, an ninh quốc gia hoặc gắn với dự án quan trọng cấp quốc gia, doanh nghiệp đầu chuỗi nộp hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến đặt Tổ hợp hoặc đầu mối điều phối của Tổ hợp để tổ chức thẩm định, hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền.

5. Trong quá trình thẩm định Dự án thành lập, điều chỉnh Tổ hợp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và cơ quan, địa phương có liên quan; đối với Tổ hợp liên tỉnh còn phải có ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có phân khu chức năng của Tổ hợp.

6. Thẩm quyền quyết định thành lập, điều chỉnh Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm được quy định như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, điều chỉnh Tổ hợp có phạm vi kéo dài trên nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Tổ hợp có vai trò đặc biệt quan trọng đến phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, quốc phòng, an ninh quốc gia hoặc gắn với dự án quan trọng cấp quốc gia;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, điều chỉnh đối với Tổ hợp có phạm vi nằm trong địa bàn của tỉnh mình và các trường hợp còn lại, sau khi có ý kiến của Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

7. Quyết định thành lập, điều chỉnh Tổ hợp phải xác định tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Tên Tổ hợp, mục tiêu phát triển, ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ lực;

- b) Địa điểm, quy mô, ranh giới, các phân khu chức năng;
- c) Doanh nghiệp đầu chuỗi chủ trì, nhà đầu tư phát triển hạ tầng và các chủ thể nòng cốt, nếu có;
- d) Mô hình quản lý, vận hành; cơ quan đầu mối quản lý nhà nước trực tiếp; cơ chế phối hợp liên tỉnh, nếu là Tổ hợp liên tỉnh;
- đ) Lộ trình đầu tư, mốc hoàn thành hạ tầng, tiến độ thu hút doanh nghiệp và các điều kiện vận hành;
- e) Cơ chế ưu đãi, hỗ trợ chủ yếu; nghĩa vụ cam kết; chế độ báo cáo, giám sát và xử lý vi phạm.

8. Việc điều chỉnh ranh giới, thu hẹp, đổi tên, chuyển đổi hoặc chấm dứt hoạt động của Tổ hợp được thực hiện trên cơ sở đánh giá nhu cầu thực tế, hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư, mức độ đáp ứng tiêu chí công nhận, việc thực hiện cam kết của doanh nghiệp đầu chuỗi và tác động kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh.

9. Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, tiếp nhận, thẩm định, quyết định thành lập, điều chỉnh Tổ hợp; tiêu chí xác định tỉnh đầu mối đối với Tổ hợp liên tỉnh; nội dung quyết định thành lập, điều chỉnh Tổ hợp.

Mục 2

QUẢN TRỊ, VẬN HÀNH TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM

Điều 32. Mô hình quản trị Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có Tổ hợp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định thành lập, bảo đảm quỹ đất, giải phóng mặt bằng, đầu tư kết nối hạ tầng bên ngoài hàng rào, an ninh trật tự, dịch vụ công, nhà ở và thiết chế phục vụ người lao động theo thẩm quyền; trường hợp Tổ hợp liên tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao làm đầu mối có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan tổ chức thực hiện.

Bộ quản lý ngành, lĩnh vực công nghiệp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan trong việc xây dựng chính sách, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, giám sát và đánh giá Tổ hợp.

2. Tổ hợp được quản trị theo mô hình gồm:

- a) Ban quản lý Tổ hợp;
- b) Hội đồng điều phối Tổ hợp;
- c) Nhà đầu tư phát triển hạ tầng;

d) Doanh nghiệp đầu chuỗi;

đ) Doanh nghiệp hỗ trợ và các tổ chức dịch vụ kỹ thuật.

3. Đối với Tổ hợp liên tỉnh, quyết định thành lập Tổ hợp phải xác định rõ cơ quan đầu mối quản lý nhà nước trực tiếp, trách nhiệm phối hợp giữa các địa phương và nguyên tắc thống nhất quản lý, vận hành, chia sẻ hạ tầng, dữ liệu dùng chung và giám sát thực hiện.

Điều 33. Ban quản lý Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm

1. Ban quản lý Tổ hợp là cơ quan đầu mối thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với Tổ hợp theo phân cấp, phân quyền hoặc ủy quyền.

2. Ban quản lý có các nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu sau đây:

a) Tổ chức thực hiện quyết định thành lập và quy chế quản lý Tổ hợp;

b) Tiếp nhận, hướng dẫn, giải quyết hoặc phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, hạ tầng, lao động, khoa học – công nghệ, tiêu chuẩn – chất lượng và thủ tục khác theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông;

c) Quản lý quy hoạch chi tiết, trật tự xây dựng, hạ tầng dùng chung, tiến độ đầu tư và sử dụng đất trong Tổ hợp;

d) Ký kết, giám sát thực hiện các thỏa thuận sử dụng hạ tầng dùng chung do Nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư;

đ) Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, công dịch vụ số của Tổ hợp;

e) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật về môi trường, an toàn, lao động, PCCC, hóa chất, tiêu chuẩn chất lượng, bảo mật dữ liệu, an ninh công nghệ;

g) Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất;

h) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng, điều chỉnh, tạm dừng hoặc chấm dứt ưu đãi, hỗ trợ và công nhận Tổ hợp.

3. Ban quản lý được sử dụng con dấu, tài khoản và bộ máy chuyên môn theo quy định của pháp luật.

4. Đối với Tổ hợp liên tỉnh, Thủ tướng Chính phủ quyết định giao một Ban quản lý hiện có hoặc quyết định thành lập Ban quản lý chuyên trách để thực hiện chức năng đầu mối quản lý nhà nước trực tiếp đối với toàn bộ Tổ hợp; cơ quan, đơn vị có liên quan tại các địa phương phối hợp thực hiện theo quy chế phối hợp liên tỉnh.

Điều 34. Hội đồng điều phối Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm

1. Hội đồng điều phối Tổ hợp là tổ chức tư vấn, điều phối liên kết ngành và chuỗi giá trị trong Tổ hợp.

2. Hội đồng điều phối gồm đại diện:

- a) Ban quản lý Tổ hợp;
- b) Doanh nghiệp đầu chuỗi;
- c) Doanh nghiệp hỗ trợ;
- d) Tổ chức R&D, cơ sở đào tạo;
- đ) Tổ chức logistics, thử nghiệm, kiểm định, chứng nhận;
- e) Hiệp hội ngành nghề;
- g) Chuyên gia độc lập;
- h) Đại diện tổ chức của người lao động theo quy định của pháp luật;
- i) Đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đối với Tổ hợp liên tỉnh.

3. Hội đồng điều phối có nhiệm vụ:

- a) Đề xuất kế hoạch phát triển chuỗi cung ứng, phát triển nhà cung cấp, đào tạo và R&D;
- b) Điều phối nhu cầu hạ tầng dùng chung;
- c) Xúc tiến liên kết giữa doanh nghiệp đầu chuỗi và doanh nghiệp hỗ trợ;
- d) Đề xuất danh mục dự án, nhiệm vụ ưu tiên;
- đ) Tư vấn xử lý vướng mắc phát sinh trong vận hành liên kết chuỗi;
- e) Tham gia đánh giá KPI của Tổ hợp.

4. Ý kiến của Hội đồng điều phối là căn cứ tham khảo bắt buộc trong các quyết định lớn về phát triển hệ sinh thái Tổ hợp, nhưng không thay thế thẩm quyền của cơ quan nhà nước.

Điều 35. Doanh nghiệp đầu chuỗi, doanh nghiệp hỗ trợ và các tổ chức dịch vụ kỹ thuật

1. Doanh nghiệp đầu chuỗi trong Tổ hợp có trách nhiệm:

- a) Công bố hoặc chia sẻ theo mức độ phù hợp nhu cầu đặt hàng, tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, môi trường, truy xuất nguồn gốc và kế hoạch phát triển nhà cung cấp;
- b) Xây dựng chương trình phát triển nhà cung cấp trong nước;

c) Hợp tác với tổ chức R&D, đào tạo, thử nghiệm, kiểm định, chứng nhận và logistics để nâng cao năng lực chuỗi giá trị;

d) Báo cáo định kỳ về tình hình mua sắm nội địa, phát triển nhà cung cấp, chuyển giao tiêu chuẩn và đào tạo nhân lực;

đ) Chủ trì hoặc tham gia lập Dự án thành lập, mở rộng Tổ hợp; phối hợp với cơ quan nhà nước, nhà đầu tư phát triển hạ tầng và các chủ thể liên quan trong quá trình chuẩn bị, triển khai, mở rộng Tổ hợp.

2. Doanh nghiệp hỗ trợ có quyền tiếp cận công bằng hạ tầng dùng chung, chương trình phát triển nhà cung cấp, chương trình đào tạo, kiểm định, chứng nhận, tư vấn công nghệ và hỗ trợ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

3. Tổ chức R&D, cơ sở đào tạo, tổ chức logistics, tổ chức thử nghiệm, kiểm định, chứng nhận có trách nhiệm cung cấp dịch vụ theo chuẩn chất lượng, minh bạch giá dịch vụ và tuân thủ yêu cầu bảo mật thông tin, bảo vệ sở hữu trí tuệ.

4. Nhà nước khuyến khích hình thành các liên minh đổi mới sáng tạo, trung tâm kỹ thuật dùng chung, chương trình đào tạo đặt hàng doanh nghiệp và cơ chế dùng chung phòng thí nghiệm, xưởng thử nghiệm trong Tổ hợp.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư phát triển hạ tầng

1. Nhà đầu tư phát triển hạ tầng Tổ hợp có các quyền sau đây:

a) Đầu tư, xây dựng, kinh doanh, vận hành hạ tầng theo quyết định chấp thuận và hợp đồng hoặc văn bản pháp lý có liên quan;

b) Thu hồi vốn, thu phí sử dụng hạ tầng, giá dịch vụ và khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

c) Đề xuất cơ chế PPP, hỗ trợ đầu tư, hỗ trợ lãi suất, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, hỗ trợ đầu tư hạ tầng dùng chung;

d) Ký hợp đồng cung cấp hạ tầng với nhà đầu tư, doanh nghiệp, tổ chức trong Tổ hợp.

2. Nhà đầu tư phát triển hạ tầng có các nghĩa vụ sau đây:

a) Đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng môi trường theo tiến độ cam kết;

b) Bảo đảm khả năng tiếp cận công bằng đối với hạ tầng dùng chung;

c) Công khai giá dịch vụ, tiêu chuẩn kỹ thuật, điều kiện sử dụng và cơ chế chia sẻ hạ tầng;

d) Bảo đảm vận hành an toàn hệ thống điện, nước, xử lý chất thải, dữ liệu, logistics và hạ tầng kỹ thuật khác;

đ) Tuân thủ quy định về tài chính, đầu tư, xây dựng, môi trường, tài sản công, nếu có;

e) Báo cáo đầy đủ về tiến độ, tài chính, công suất, hiệu quả sử dụng hạ tầng.

3. Nhà đầu tư phát triển hạ tầng không được lạm dụng vị trí cung ứng hạ tầng để áp đặt điều kiện giao dịch bất hợp lý hoặc phân biệt đối xử trái pháp luật.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, tổ chức tham gia Tổ hợp

1. Doanh nghiệp, tổ chức tham gia Tổ hợp có các quyền sau đây:

a) Tiếp cận thủ tục một cửa, hạ tầng dùng chung và chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định;

b) Tham gia chương trình phát triển nhà cung cấp, đào tạo, R&D, chuyển giao công nghệ, chứng nhận, tiêu chuẩn hóa;

c) Tham gia Hội đồng điều phối hoặc cơ chế tham vấn chính sách của Tổ hợp theo quy định;

d) Yêu cầu Ban quản lý bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp, tổ chức tham gia Tổ hợp có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện đúng mục tiêu dự án, tiến độ đầu tư, nghĩa vụ tài chính và nghĩa vụ báo cáo;

b) Tuân thủ quy hoạch, tiêu chuẩn hạ tầng, quy chế quản lý Tổ hợp;

c) Tuân thủ pháp luật về môi trường, lao động, an toàn, phòng cháy chữa cháy, hóa chất, tiêu chuẩn – chất lượng, an ninh mạng, dữ liệu và sở hữu trí tuệ;

d) Chia sẻ dữ liệu bắt buộc theo quy định của pháp luật và quy chế của Tổ hợp;

đ) Hợp tác trong ứng phó sự cố, bảo đảm an ninh, an toàn và phục hồi hoạt động của Tổ hợp.

3. Doanh nghiệp không thực hiện dự án theo tiến độ, sử dụng đất kém hiệu quả, vi phạm nghiêm trọng pháp luật hoặc không còn đáp ứng điều kiện hoạt động có thể bị tạm dừng ưu đãi, thu hồi diện tích đất, chấm dứt dự án hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Trình tự, thủ tục chấp thuận đầu tư, cấp phép, đất đai, xây dựng và hạ tầng

1. Tổ hợp áp dụng cơ chế tiếp nhận, xử lý hồ sơ theo đầu mỗi một cửa tại Ban quản lý.

2. Hồ sơ thành lập dự án trong Tổ hợp được tích hợp tối đa các nội dung về đầu tư, xây dựng, môi trường, đấu nối hạ tầng, sử dụng hạ tầng dùng chung và nghĩa vụ báo cáo theo quy định của pháp luật.

3. Việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, chuyển đổi đất đai để phát triển Tổ hợp thực hiện theo pháp luật về đất đai, trừ trường hợp quy định về ưu đãi, hỗ trợ về đất đai và hạ tầng quy định tại Mục 3 của Chương này.

4. Việc đầu tư xây dựng công trình, nghiệm thu, vận hành, đấu nối hạ tầng, phòng cháy, chữa cháy, hóa chất, an toàn điện, an toàn máy móc, kho bãi, logistics thực hiện theo pháp luật có liên quan.

5. Chính phủ quy định chi tiết cơ chế phối hợp liên thông số, thành phần hồ sơ, thứ tự giải quyết và trách nhiệm của từng cơ quan để bảo đảm rút ngắn thời gian xử lý nhưng không làm giảm tiêu chuẩn kiểm soát nhà nước.

Điều 39. Cơ chế tài chính và đầu tư hạ tầng dùng chung

1. Nguồn lực phát triển Tổ hợp gồm:

a) Vốn của nhà đầu tư;

b) Vốn đầu tư công;

c) Vốn PPP;

d) Vốn tín dụng, trái phiếu, quỹ đầu tư, quỹ hỗ trợ đầu tư và nguồn hợp pháp khác;

đ) Kinh phí sự nghiệp, kinh phí khoa học và công nghệ, kinh phí đào tạo, đổi mới sáng tạo và nguồn hỗ trợ hợp pháp khác.

2. Nhà nước ưu tiên đầu tư hoặc hỗ trợ đầu tư đối với hạ tầng dùng chung thiết yếu, bao gồm:

a) Hạ tầng kỹ thuật kết nối ngoài hàng rào;

b) Hệ thống xử lý môi trường, năng lượng, nước và tuần hoàn tài nguyên;

c) Trung tâm R&D, phòng thí nghiệm, xưởng chế thử, trung tâm kỹ thuật;

d) Trung tâm thử nghiệm, kiểm định, chứng nhận;

đ) Trung tâm dữ liệu, nền tảng số và trung tâm logistics.

3. Hạ tầng dùng chung do Nhà nước đầu tư được quản lý, khai thác theo pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước, tài sản công và pháp luật có liên quan; được áp dụng cơ chế đặt hàng, cho thuê, giao quản lý, hợp tác khai thác hoặc cơ chế khác theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, doanh nghiệp đầu tư, quản lý, vận hành hạ tầng dùng chung được hưởng cơ chế tài chính phù hợp để thu hồi vốn và tái đầu tư, bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả.

Điều 40. Bảo đảm môi trường, an toàn, lao động, phòng cháy, chữa cháy, hóa chất và ứng phó sự cố

1. Tổ hợp phải có hạ tầng môi trường đồng bộ, bao gồm hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, quan trắc, giám sát tự động theo quy định của pháp luật.

2. Tổ hợp phải xây dựng và duy trì:

a) Quy chế quản lý môi trường nội khu;

b) Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, hóa chất, cháy nổ, mất an toàn dữ liệu, gián đoạn sản xuất diện rộng;

c) Hệ thống quản lý an toàn và vệ sinh lao động;

d) Quy chế phối hợp y tế, cứu nạn, cứu hộ, cứu hỏa.

3. Doanh nghiệp trong Tổ hợp có trách nhiệm tuân thủ tiêu chuẩn phát thải, an toàn lao động, giờ làm việc, điều kiện làm việc, nhà xưởng, máy móc, thiết bị, hóa chất, vật liệu nguy hiểm và các nghĩa vụ khác theo pháp luật.

4. Ban quản lý có quyền yêu cầu tạm dừng hoạt động của hạng mục, dây chuyền hoặc cơ sở có nguy cơ trực tiếp gây sự cố nghiêm trọng; trường hợp vượt thẩm quyền thì kiến nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định.

5. Việc đầu tư mở rộng công suất, thay đổi công nghệ, thay đổi loại hình sản xuất trong Tổ hợp phải đồng thời cập nhật yêu cầu môi trường, an toàn và ứng phó sự cố theo quy định.

Mục 3

CƠ CHẾ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ CHO TỔ HỢP CÔNG NGHIỆP TRỌNG ĐIỂM

Điều 41. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, đất đai, thuế, phí, tín dụng, lao động, đào tạo và R&D

1. Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm được áp dụng cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

2. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm được áp dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật

khác có liên quan.

3. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm được nhà nước hỗ trợ:

a) Giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất;

b) Đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên trong khu và các hạ tầng kết nối đến khu gồm đường giao thông, điện, nước sạch, cấp nước, thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, chất thải rắn và công trình khác.

Trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Tổ hợp công nghiệp trọng điểm là doanh nghiệp đầu chuỗi theo quy định tại Luật này, ngân sách Nhà nước ở Trung ương hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí xây dựng đối với phần còn lại ngoài hạ tầng khu vực dự án của doanh nghiệp đầu chuỗi;

c) Tổ chức hệ thống giao thông vận chuyển hành khách công cộng đến Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm.

4. Dự án đầu tư xây dựng nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về nhà ở; kinh doanh bất động sản và pháp luật khác có liên quan.

5. Đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp trọng điểm trong Tổ hợp Công nghiệp trọng điểm:

a) Trường hợp dự án phải chấp thuận chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định pháp luật về đầu tư;

b) Được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;

c) Đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp trọng điểm trong lĩnh vực đường sắt: nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt kết nối với đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương.

Đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp trọng điểm trong lĩnh vực điện lực và năng lượng: nhà nước hỗ trợ hạ tầng kết nối với lưới điện quốc gia.

6. Doanh nghiệp đầu chuỗi và doanh nghiệp hỗ trợ trong Tổ hợp được xem xét:

- a) Hỗ trợ phát triển nhà cung cấp;
- b) Hỗ trợ chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng lao động kỹ thuật cao;
- c) Hỗ trợ chi phí thử nghiệm, kiểm định, chứng nhận, đánh giá sự phù hợp, tư vấn tiêu chuẩn hóa, tư vấn sở hữu trí tuệ;
- d) Hỗ trợ R&D, thiết kế, chế thử, sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh;
- đ) Hỗ trợ tuyển dụng, thu hút chuyên gia, kỹ sư, nhà khoa học, lao động kỹ thuật bậc cao.

7. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Điều 42. Chuyển giao công nghệ, dữ liệu và sở hữu trí tuệ

1. Nhà nước khuyến khích chuyển giao công nghệ, đồng phát triển công nghệ, đồng sở hữu kết quả R&D, nội địa hóa thiết kế và nâng cấp công nghệ trong Tổ hợp theo pháp luật về chuyển giao công nghệ và sở hữu trí tuệ.

2. Hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng R&D, hợp đồng dùng chung phòng thí nghiệm, xưởng thử nghiệm và dữ liệu dùng chung phải quy định rõ:

- a) Phạm vi sử dụng công nghệ, dữ liệu;
- b) Quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả tạo ra;
- c) Nghĩa vụ bảo mật;
- d) Trách nhiệm đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ;
- đ) Cơ chế phân chia lợi ích từ kết quả thương mại hóa;
- e) Cơ chế xử lý khi chấm dứt hợp đồng hoặc rủi ro an ninh công nghệ.

3. Kết quả R&D sử dụng vốn nhà nước hoặc được Nhà nước hỗ trợ trong Tổ hợp phải được quản lý, khai thác và thương mại hóa theo pháp luật hiện hành; ưu tiên ứng dụng cho doanh nghiệp đầu chuỗi, các doanh nghiệp trong Tổ hợp.

4. Ban quản lý ban hành và tổ chức thực hiện quy chế quản trị dữ liệu dùng chung, bảo đảm an toàn thông tin, bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ và an ninh mạng.

Chương IV PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Điều 43. Phát triển công nghệ nền tảng trong công nghiệp hỗ trợ

- 1. Công nghệ nền tảng trong công nghiệp hỗ trợ bao gồm: công nghệ đúc,

hàn, khuôn mẫu, tạo hình nhựa, xử lý bề mặt và xử lý nhiệt.

2. Các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ sử dụng công nghệ nền tảng để sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ có hàm lượng công nghệ cao, có giá trị gia tăng trên 30% và có khả năng cung ứng cho chuỗi giá trị toàn cầu được ưu tiên lựa chọn tham gia các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi mô hình tự động hóa, nhà máy thông minh, thân thiện với môi trường.

3. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ thực hiện mua bán, sáp nhập, chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ nhằm thúc đẩy phát triển các công nghệ nền tảng, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước làm chủ các công nghệ nền tảng.

4. Chính phủ hỗ trợ triển khai thương mại hóa các dự án nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm ứng dụng công nghệ nền tảng theo hướng tiên tiến, hiện đại và thân thiện môi trường. Trường hợp dự án thất bại hoặc bị quyết định dừng dự án, Chính phủ có thể áp dụng và thu phí hoàn trả đối với số tiền đã hỗ trợ.

5. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Điều 44. Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ tham gia chuỗi giá trị toàn cầu

1. Các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp trọng điểm được hỗ trợ như sau:

a) Tham gia triển lãm hội chợ trong nước và ngoài nước, chương trình xúc tiến đầu tư, chương trình kết nối giao thương, kinh phí tiếp cận thông tin thị trường, hỗ trợ tư vấn doanh nghiệp tham gia chuỗi sản xuất toàn cầu, tìm kiếm, phát triển thị trường;

b) Kinh phí thực hiện các dự án hợp tác giữa các tổ chức, doanh nghiệp, các tập đoàn đa quốc gia với các doanh nghiệp cung cấp nội địa, hỗ trợ áp dụng hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu của các chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất;

c) Chi phí tư vấn mua bán, sáp nhập của các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, bao gồm thủ tục pháp lý, tìm kiếm, cung cấp thông tin, đánh giá năng lực doanh nghiệp, thuê chuyên gia hoặc đơn vị tư vấn;

d) Kinh phí nghiên cứu phát triển, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp vật liệu;

đ) Hỗ trợ kinh phí thử nghiệm, kiểm định, đo lường chất lượng, giám định và chứng nhận chất lượng sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 45. Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ

1. Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ để triển khai các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ quy định tại Điều 27 của Luật này.

2. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ:

- a) Nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ theo phân cấp ngân sách hiện hành;
- b) Kinh phí của các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ;
- c) Nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- d) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Thủ tướng Chính phủ quy định cụ thể về việc xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Điều 46. Hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ

1. Các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ ký hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng cho các dự án đầu tư trong các ngành công nghiệp trọng điểm hoặc trong các lĩnh vực chiến lược của quốc gia quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này được tổ chức tín dụng xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa bằng 70% giá trị của dự án.

2. Các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ có dự án, phương án sản xuất nguyên vật liệu, linh kiện, phụ tùng ứng dụng công nghệ cao nhằm phục vụ trong các ngành công nghiệp trọng điểm hoặc trong các lĩnh vực chiến lược của quốc gia quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này được tổ chức tín dụng xem xét cho vay không có tài sản bảo đảm tối đa bằng 70% giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc giá trị tiêu thụ sản phẩm là kết quả của việc sản xuất ứng dụng công nghệ cao của khách hàng.

3. Trường hợp các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng thì khoản nợ vay được xử lý như sau:

a) Được tổ chức tín dụng xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, đồng thời cho vay mới trên cơ sở xem xét tính khả thi của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ, khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất.

b) Trường hợp đã thực hiện các biện pháp quy định tại điểm a, Khoản 3 Điều này mà doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ vẫn gặp khó khăn trong việc trả nợ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo cụ thể với Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng

Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính. Trên cơ sở báo cáo và đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét xóa nợ cho khách hàng và cấp bù nguồn vốn ngân sách nhà nước cho tổ chức tín dụng theo mức độ thiệt hại cụ thể.

Điều 47. Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp

1. Thành lập trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp quốc gia và các trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng tại các vùng kinh tế trọng điểm với vai trò trung tâm máy móc dùng chung, cơ sở dữ liệu công nghiệp, hỗ trợ kỹ thuật, quản trị sản xuất và kinh doanh cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ.

2. Chính sách ưu đãi đối với trung tâm:

a) Ưu đãi về đất đai và tạo mặt bằng hoạt động:

Được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai; được bố trí ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật.

b) Tiếp nhận hỗ trợ, viện trợ, tài trợ, tặng cho:

Được tiếp nhận vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại để thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên và các khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài; tài trợ, tặng cho của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài và trong nước để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, chi thường xuyên, hỗ trợ hoạt động và công tác quản lý, vận hành của Trung tâm theo quy định pháp luật;

c) Ưu đãi thuế: Được áp dụng các ưu đãi về thuế theo quy định của các Luật về thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Chính phủ quy định chi tiết chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và các chính sách, cơ chế hỗ trợ, ưu đãi tại Điều này.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 48. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương:

a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm; chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo luật này;

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình

có trách nhiệm tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung liên quan đến phát triển công nghiệp trọng điểm quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng và thực hiện Kế hoạch phát triển công nghiệp trọng điểm cấp tỉnh, phù hợp với quy hoạch và chiến lược quốc gia;

b) Tạo điều kiện về đất đai, giải phóng mặt bằng nhanh chóng cho dự án công nghiệp trọng điểm; công nhận khu chức năng là Tổ hợp công nghiệp trọng điểm; bố trí ngân sách địa phương hoặc phối hợp với cơ quan Trung ương triển khai hỗ trợ đầu tư hạ tầng kết nối đến Tổ hợp công nghiệp trọng điểm;

c) Phối hợp với các Bộ, ngành trong việc quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ dành cho doanh nghiệp; giám sát môi trường, an toàn lao động tại các cơ sở công nghiệp trọng điểm; kịp thời báo cáo Chính phủ những vấn đề vượt thẩm quyền.

Điều 49. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân nào lợi dụng các ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước theo Luật này để trục lợi, sử dụng sai mục đích, hoặc thực hiện không đúng cam kết sẽ chịu các hình thức xử lý như sau:

1. Thu hồi các khoản ưu đãi, hỗ trợ tài chính; truy thu số thuế đã được miễn, giảm; phạt chậm nộp tiền thuế theo quy định của pháp luật.

2. Tước quyền hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ trong thời gian nhất định hoặc vĩnh viễn.

3. Tùy mức độ vi phạm, có thể bị xử phạt vi phạm hành chính theo pháp luật về thuế, đầu tư và pháp luật có liên quan; trường hợp có dấu hiệu tội phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 50. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các luật có liên quan

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 16 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 như sau:

"c) Sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm; sản phẩm điện tử, sản phẩm cơ khí trọng điểm, máy nông nghiệp, ô tô, phụ tùng ô tô; đóng tàu;"

2. Bổ sung điểm p khoản 1 Điều 16 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 như sau:

"p) Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Tổ hợp công nghiệp trọng điểm."

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 như sau:

"d) Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Tổ hợp công nghiệp trọng điểm; sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp trọng điểm; sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; bảo vệ môi trường; sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm; sản xuất quốc phòng, an ninh và sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp theo quy định của pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; sản xuất sản phẩm công nghiệp hóa chất trọng điểm và sản phẩm cơ khí trọng điểm theo quy định của pháp luật;"

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 15 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 như sau:

"7. Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu; sản xuất sản phẩm công nghiệp trọng điểm."

5. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 và trước khoản 2 Điều 9 Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 như sau:

"1a. Đối với doanh nghiệp khai thác khoáng sản để sản xuất vật liệu quan trọng theo quy định của pháp luật về công nghiệp trọng điểm, nếu có dự án chế biến sâu trong nước đạt tỷ lệ giá trị tăng thêm từ chế biến từ 30% trở lên thì được xem xét giảm 30% thuế suất thuế tài nguyên cho phần sản lượng tài nguyên sử dụng vào chế biến sâu đó."

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 2 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 1 Luật số 144/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn như sau:

"5. *Khu chức năng* là một khu vực tại đô thị, nông thôn gồm khu kinh tế, khu du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, tổ hợp công nghiệp trọng điểm, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục thể thao, khu văn hóa, khu phức hợp y tế, khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật và các khu vực phát triển theo chức năng khác được định hướng tại quy hoạch vùng hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch chung theo quy định của Luật này."

7. Bổ sung khoản 18 vào sau khoản 17 Điều 4 của Luật Thuế thu nhập cá

nhân số 04/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 26/2012/QH13, Luật số 71/2014/QH13, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 48/2024/QH15 và Luật số 56/2024/QH15 như sau:

“18. Các khoản thu nhập bao gồm tiền lương, tiền công của các đối tượng sau đây là các khoản thu nhập miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng đầu tiên với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam:

a) Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập của Kỹ sư trưởng theo quy định của pháp luật về công nghiệp trọng điểm;

b) Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng đầu tiên với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam đối với thu nhập của chuyên gia, kỹ sư giỏi có hợp đồng lao động trên một năm trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển sản phẩm công nghiệp trọng điểm theo quy định của pháp luật về công nghiệp trọng điểm.”.

8. Bổ sung khoản 7a vào sau khoản 7 và trước khoản 8 Điều 124 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 như sau:

"7a. Giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Tổ hợp công nghiệp trọng điểm.”.

Điều 51. Điều khoản chuyển tiếp

Các dự án, doanh nghiệp đã được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật trước ngày Luật này có hiệu lực tiếp tục được hưởng cho đến hết thời hạn ưu đãi, hỗ trợ, trừ trường hợp lựa chọn chuyển sang hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo Luật này và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Điều 52. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026./.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm ...